

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ ; Giảng viên thỉnh giảng: ☒

Ngành: **Chăn nuôi** Chuyên ngành: **Chăn nuôi**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **CHU MẠNH THẮNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 28/12/1976; Nam ☒; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Bình Minh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Tổ 26, Cụm 4, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế, Viện Chăn nuôi – Số 9, đường Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:

Điện thoại di động: 0989 12 69 40

E-mail: thangslu@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2001 đến nay: nghiên cứu viên của Viện Chăn nuôi

2001 - 2003: Nghiên cứu viên bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi;

2003 - 2005: Học viên Cao học của Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển (Swedish University of Agricultural Sciences, SLU);

2005 - 2006: Nghiên cứu viên, Phòng Khoa học, Kế hoạch và Hợp tác quốc tế - Viện Chăn nuôi;

2006 - 2010: Nghiên cứu sinh của Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển (Swedish University of Agricultural Sciences);

2010 - 2013: Nghiên cứu viên, Phó Trưởng Phòng Khoa học, Kế hoạch và Hợp tác quốc tế - Viện Chăn nuôi;

2014 - 2017: Nghiên cứu viên, Trưởng Phòng Đào tạo và Thông tin - Viện Chăn nuôi;

2017 - 2020: Nghiên cứu viên chính, Trưởng Phòng Đào tạo và Thông tin - Viện Chăn nuôi;

2020 đến nay: Nghiên cứu viên chính, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế - Viện Chăn nuôi.

Chức vụ: *Hiện nay:* Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và Hợp tác quốc tế - Viện Chăn nuôi; *Chức vụ cao nhất đã qua:* Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Chăn nuôi.

Địa chỉ cơ quan: Số 9, đường Tân Phong, Phường Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243.838.5022

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

+ Viện Chăn nuôi

+ Học viện Nông nghiệp Việt Nam

+ Trường Đại học Nông lâm Bắc Giang

+ Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên

+ Trường Đại học Hùng Vương – Phú Thọ

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

– Được cấp bằng ĐH ngày 9 tháng 10 năm 1999; số văn bằng: B143015; ngành: Chăn nuôi thú y. Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Nông nghiệp 1 (nay là Học Viện Nông nghiệp Việt Nam), Việt Nam.

– Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 8 năm 2005; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Chăn nuôi nhiệt đới (Tropical Livestock Systems); Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển (Swedish University of Agricultural Sciences), Thụy Điển.

– Được cấp bằng TS ngày 10 tháng 05 năm 2010; số đăng ký văn bằng tại Cục quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo: 8356/CNVB_TS ngày 22/01/2019; Ngành: Khoa học vật nuôi (Animal Science); Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Nông nghiệp Thụy Điển (Swedish University of Agricultural Sciences), Thụy Điển.

– Được cấp bằng TSKH ngày.....tháng.....năm....; số văn bằng:.....; ngành:....., chuyên ngành:.....; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày.....tháng.....năm....., ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS cơ sở:

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh **Phó giáo sư** tại HĐGS ngành, liên ngành:

Chăn nuôi – Thú y – Thủy sản

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- (1) Nghiên cứu nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn thức ăn sẵn có trong hệ thống chăn nuôi bền vững;
- (2) Nghiên cứu tối ưu hóa khẩu phần ăn nâng cao hiệu quả chăn nuôi;
- (3) Nghiên cứu giảm phát thải khí mê-tan (CH₄) từ dạ cỏ trong chăn nuôi bò.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Tham gia giảng dạy và hướng dẫn từ 2016 đến nay tại Viện Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang và trường Đại học Hùng Vương (Phú Thọ), **06 năm cuối đạt và vượt mức giờ giảng**;
- Đã **hướng dẫn chính 02 HVCH** bảo vệ thành công luận văn và được cấp bằng Thạc sỹ;
- Đã **hướng dẫn phụ 01 NCS** bảo vệ thành công luận án và được cấp bằng Tiến sỹ;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên:

+ **Đề tài Độc lập cấp Nhà nước (Quốc gia):** chủ trì **01** (nghiệm thu 2016, xếp loại khá) và thư ký **01** (nghiệm thu 2013, xếp loại khá).

+ Đề tài HTQT: **chủ trì 02**; đang tham gia **01** đề tài HTQT.

- Đã công bố: **57** bài báo khoa học; trong **06** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín có **03** bài là tác giả chính sau tiến sĩ.

- Đã được cấp (số lượng).....bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản: **02** sách tham khảo.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Bằng khen của Công đoàn Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2017) về thành tích hoàn thành xuất sắc trong phong trào thi đua Lao động giỏi và xây dựng Tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2016 (*Quyết định số 80/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/03/2017*);

Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2020) về việc đã có thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (*Quyết định số 2122/QĐ-TTg ngày 17/12/2020*).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):Không.....

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Trong hơn 21 năm công tác tại Viện Chăn nuôi, ứng viên tự nhận thức không ngừng phấn đấu tu dưỡng rèn luyện đạo đức, không vi phạm đạo đức nhà giáo, trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn. Ứng viên luôn ý thức được việc giữ gìn phẩm chất của nhà giáo, nghiêm túc trong công việc, cư xử khiêm tốn, đúng mực với đồng nghiệp và luôn tận tình với người học. Luôn phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo, nhà khoa học; gìn giữ phẩm chất đạo đức, tính liêm chính trong khoa học.

Trong hoạt động giảng dạy luôn đáp ứng đúng và đủ các quy định về thời gian làm nhiệm vụ đào tạo, cũng như đảm bảo số giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ứng viên luôn hoàn thành tốt, đầy đủ nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo khối lượng giảng dạy theo hợp đồng với các cơ sở đào tạo. Ứng viên luôn bám sát yêu cầu trong chương trình đào tạo, vận dụng sáng tạo gắn lý thuyết với thực tiễn, cập nhật cải tiến phương pháp giảng dạy, thường xuyên tổ chức thảo luận nhóm, tạo cơ hội người học tranh luận để hiểu được vấn đề. Bên cạnh đó, bản thân đã tốt nghiệp nhận bằng tiến sĩ ở nước

ngoài, song ứng viên vẫn thường xuyên nâng cao trình độ ngoại ngữ phục vụ chuyên môn thông qua tham gia các hội thảo quốc tế, đọc tài liệu, nghiên cứu và xuất bản các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế uy tín.

Bản thân ứng viên có đủ sức khỏe để hoàn thành tốt công việc giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác, đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, theo quy định của Nhà nước.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số: **06 năm** thâm niên đào tạo (từ 2016 đến nay).

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 03 năm cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2016 – 2017		02	01		152	30	182/242,9/135
2	2017 – 2018		03	01		114		114/176,6/135
3	2018 – 2019		03			38	142,2	180,2/245,3/135
03 năm học cuối								
5	2019 – 2020		03				127,1	127,1/222,2/135
6	2020 – 2021						150	150/195/150
7	2021 -2022						166	166/219/150

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Năm học 2020 trở đi: Đại học Nông lâm Bắc Giang quy định định mức giờ chuẩn giảng viên

cơ hữu là 300 giờ, ứng viên đã tham gia giảng dạy thỉnh giảng tại Trường giai đoạn này (300 x 50% = 150)

3. Ngoại ngữ:

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

– Bảo vệ luận án TS ☒; Tại nước: Thụy Điển năm : 2010

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; ☐ Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):.....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ...đến.	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
I	Hướng dẫn HVCH							
1	Nguyễn Văn Thành		x	x		2015- 2016	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Quyết định số 2149/QĐ-HVN ngày 01/08/2016
2	Dương Thị Lan Hương		x	x		2016- 2017	Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Quyết định số 1868/QĐ-ĐHNL ngày 29/12/2017
II	Hướng dẫn NCS							
1	Lê Tuấn An	x			x	2016- 2021	Viện Chăn Nuôi	Quyết định số 389/QĐ-VCN- KHĐT&HTQT ngày 08/9/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK,HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang..)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Môi trường chăn nuôi: quản lý và sử dụng chất thải chăn nuôi hiệu quả và bền vững	TK	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. ISBN: 978-604-913-147-9. Năm 2013	8		Từ trang 40-49, 101-118	Quyết định số 614/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT ngày 31/12/2021 của Viện trưởng Viện Chăn nuôi
2	Giảm thải Mê tan trong chăn nuôi bò: Hiện trạng và giải pháp dinh dưỡng	TK	NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh. ISBN: 978-604-73-5274-6. Năm 2017	5		Từ trang 55-79	- Quyết định số 614/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT ngày 31/12/2021 của Viện trưởng Viện Chăn nuôi - Quyết định số 3771/ĐHNL-ĐT ngày 06/11/2017 của Hiệu trưởng Đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang....đến trang....

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
Trước khi được công nhận TS						
Sau khi được công nhận TS						
1	ĐT: Nghiên cứu các giải pháp KHCN giảm thiểu phát thải khí methane (CH ₄) ra môi trường trong chăn nuôi bò sữa, bò thịt	CN	Đề tài Độc lập Cấp Quốc gia (ĐTĐL.2012-G/04)	2012-2016	28/3/2017	Hội đồng Nhà nước ng nghiệm thu xếp loại Khá (kèm theo các minh chứng liên quan)
2	ĐT: Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học công nghệ trong chăn nuôi lợn công nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường	TK	Chương trình Đề tài Độc lập Cấp Nhà nước	2011-2013	15/6/2014	Hội đồng Nhà nước ng nghiệm thu xếp loại Khá
3	Methane production from <i>in vitro</i> rumen fermentation of some tropical legumes and cassava foliage/meal and effect of different levels of the tannin-containing plants on methane production reduction	CN	Đề tài HTQT – MEKARN	2010-2011	6/2012	Hội đồng khoa học ng nghiệm thu Đạt
4	Methane mitigation from different drying methods of foliage substrates and the effects of adding of nitrate and/or sulphate on rumen methane levels and milk yield fed basal diets of molasses supplemented with foliages for dairy goat	CN	Đề tài HTQT – MEKARN	2012	12/2018	Hội đồng khoa học ng nghiệm thu Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
5	Dự án HTQT: “Chăn nuôi thâm canh bò thịt trong các hệ thống canh tác đất dốc vùng miền núi Tây Bắc Việt Nam”	TG	(Mã số LPS/2015/037)	2021-2022		

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

T	T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I		Trước khi được công nhận TS							
1.		Effects of rubber seed meal on growth and digestibility of growing cattle fed urea-treated rice straw	03		Kỷ yếu khoa học tại Hội thảo quốc tế “Sustainable Livestock Production on Local Feed Resources” Huế, 25-27/3/2003, Nhà xuất bản Nông nghiệp.				2003
2.		Survey on using agricultural by products as animal feed resources under smallholder farm conditions in Northern Vietnam	07		Kỷ yếu khoa học tại Hội thảo quốc tế dự án NUFU (PRO 09/2002) “Improved Utilization of Agricultural By products for Animal Feed in Vietnam and Laos” Nhà xuất bản Nông nghiệp.				2005
3.		Effects of Supplementation of Mixed Cassava (<i>Manihot esculenta</i>) and Legume (<i>Phaseolus calcaratus</i>) Fodder on the Rumen Degradability and Performance of Growing Cattle	03	X	Asian-Australasian Journal of Animal Science (ISSN: 10112367) https://www.animbiosci.org/upload/pdf/21-11.pdf	SCIE (0.807, Q2)	9	21(1): 66-74	2008

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
4.	Effect of feeding cassava and/or Stylosanthes foliage on the performance of crossbred growing cattle	03	x	Tropical Animal Health and Production (ISSN: 15737438, 00494747) https://link.springer.com/article/10.1007/s11250-009-9378-8	SCIE (1.125, Q2)	14	42 (1): 1-11	2010
5.	Effect of using cassava products to vary the level of energy and protein in the diet on growth and digestibility of cattle	03	x	Livestock Science (ISSN: 18711413) https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S187114130900376X	SCIE (1.449, Q1)	12	128 (1-3): 166-172	2010
II	Sau khi được công nhận TS							
6.	Sử dụng kỹ thuật <i>in vitro</i> gas production để đánh giá tốc độ và động thái sinh khí của một số thức ăn họ đậu kết hợp với thân ngọn lá sắn/bột sắn dùng cho gia súc nhai lại.	03	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			29 (4): 40-51	2011
7.	Effects of different foliages and drying methods on mitigation methane production based on cassava root meal using <i>in vitro</i> gas production.	03	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi - Viện Chăn nuôi (<i>in English</i>). (ISSN: 1859-0802)			34 (2): 40-50	2012
8.	Effects of nitrate and molybdate addition in a sulfate-supplemented diet on rumen methane production and milk yield of dairy goat	02	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi (<i>in English</i>). – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			39 (12): 91-100	2012

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
9.	Hiện trạng quản lý chất thải và ô nhiễm môi trường chăn nuôi lợn trang trại ở Việt Nam.	07		Tạp Chí Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Bộ Nông nghiệp và PTNT (ISSN: 1859-4581)			14: 67-73	2013
10.	Đánh giá mức độ phát thải CH ₄ (Metan) từ dạ cỏ của bò sữa nuôi tại miền Trung	04	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			50 (10): 60-75	2014
11.	Ảnh hưởng của khẩu phần có thân cây ngô ủ đến năng suất và sự phát thải khí metan của bò đang tiết sữa.	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			51 (12): 10-21	2014
12.	Ảnh hưởng của mức ăn khác nhau đến thay đổi khối lượng và mức độ phát thải khí Mêtan dạ cỏ ở bò cặn sữa.	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			52 (2): 58-69	2015
13.	Effects of Leucaena leucocephala supplemental levels in the diet for dairy cattle on animal productivity and enteric methane production	03	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X (in English)			8 (197): 50-59	2015
14.	Ảnh hưởng của cây ngô ủ chua đến khả năng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và mức độ phát thải khí Mêtan từ dạ cỏ ở bò cặn sữa	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			56 (10): 43-53	2015
15.	Effect of substrate supplementation in silage on methane reduction of rumen fluid using <i>in vitro</i> method	04		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802) (in English).			58 (12): 2-10	2015

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
16.	Ảnh hưởng các mức ăn khác trong khẩu phần ăn của bò đang tiết sữa đến lượng thức ăn ăn vào, tỷ lệ tiêu hóa, khả năng sản xuất và phát thải mêtan	04		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			59 (1): 71-81	2016
17.	Ảnh hưởng của việc bổ sung dầu bông đến khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò sữa.	03		Tạp chí Khoa học và Phát triển – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam (ISSN 1859-0004)			14 (1): 28-35	2016
18.	Ảnh hưởng của bổ sung Calcium nitrate, dầu dừa và tanin đến sinh khí Methane và một số chỉ tiêu dịch dạ cỏ trong điều kiện <i>in vitro</i>	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			60 (2): 28-41	2016
19.	Ảnh hưởng của việc bổ sung tanin từ bột chè xanh (<i>Camellia sinensis</i>) đến sinh trưởng, hiệu quả sử dụng thức ăn và mức độ phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò thịt	03	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			63 (5): 56-67	2016
20.	Ảnh hưởng của việc bổ sung tanin trong chè xanh đến khả năng sản xuất và phát thải khí mêtan từ dạ cỏ của bò sữa.	04		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam (ISSN 1859-0004)			14 (4): 579-589	2016
21.	Ảnh hưởng của mức năng lượng ăn vào đến tăng trọng và phát thải mê tan trên bò Lai Sind trong giai đoạn tăng trưởng	04		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			67 (9): 60-68	2016

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
22.	Phát thải mê tan của bò sữa ăn khẩu phần phổ biến hiện tại ở miền nam, Việt Nam	05		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			67 (9): 69-77	2016
23.	Ảnh hưởng của mức thức ăn tinh trong khẩu phần đến tăng khối lượng và sinh khí mê tan trên bò Laisind giai đoạn tăng trưởng	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			68 (10): 35-42	2016
24.	Status methane emissions from beef cattle at some farms in nothern Vietnam	05		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp - Đại học Nông lâm TP Hồ Chí Minh (ISSN: 1859-1523)			6:1-11	2016
25.	Effects of forage, seasonal and harvesting time on <i>invitro</i> methane production and microbial population	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			71 (1): 2-10	2017
26.	Effects of forage silage and concentrate feeds on <i>invitro</i> methane production and microbial population	03	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			71 (1): 11-19	2017
27.	Effects of Napier grass, maize stover silage, stylo, <i>Eucalyptus Trichanthera</i> and cassava forage on <i>invitro</i> methane production and microbial population	03		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			71 (1): 20-28	2017

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
28.	Ảnh hưởng của việc sử dụng khô dầu dừa và cỏ voi ủ chua trong khẩu phần đến khả năng sản xuất, phát thải khí mê tan từ dạ cỏ ở bò thịt	08		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			72 (2): 38-47	2017
29.	Phát thải khí methane từ dạ cỏ của bò - ảnh hưởng của chất lượng khẩu phần ăn nuôi bò	01	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			82 (12): 2-8	2017
30.	Hiện trạng phát thải khí mêtan từ dạ cỏ bò sữa nuôi tại các trang trại ở miền Bắc Việt Nam	02		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			84 (2): 83-96	2018
31.	Bổ sung thức ăn thảo dược ức chế vi sinh vật sinh mêtan dạ cỏ làm giảm phát thải khí nhà kính trong chăn nuôi bò	01	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			88 (6): 2-11	2018
32.	Sự tương quan giữa axit dạ cỏ, bệnh chân móng và năng suất sữa ở bò lai HF	05		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			89 (7): 79-90	2018
	Trong 3 năm cuối (tính đến 30/6/2022)							
33.	Ảnh hưởng của việc bổ sung dầu hạt bông và bột chè xanh đến lượng thu nhận, năng suất sữa và phát thải khí mêtan của bò trong giai đoạn tiết sữa	02	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			104 (10): 67-77	10 /2019

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
34.	Giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính trong chăn nuôi – hướng tiếp cận mới thông qua đánh giá chu trình sản phẩm cuối cùng	02	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X			251 (11): 49-54	11 /2019
35.	Chế độ nuôi dưỡng của bò để giảm bệnh rối loạn trao đổi chất ở giai đoạn đầu của chu kỳ cho sữa	05	GV HD2 của NCS	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X			251 (11): 75-87	11 /2019
36.	Xác định mức năng lượng thích hợp trong khẩu phần nuôi lợn Cỏ và lợn Mẹo sinh sản	10		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			105 (11): 13-27	11 /2019
37.	Ảnh hưởng của các mức bổ sung dầu bông và tanin từ bột chè xanh đến lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và phát thải khí mêtan của bò giai đoạn nuôi cận sữa	02	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			105 (11): 48-57	11 /2019
38.	Xác định phương thức nuôi lợn Cỏ, lợn Mẹo sinh sản	11		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			105 (11): 64-73	11 /2019
39.	Xác định hàm lượng Protein thích hợp trong khẩu phần nuôi lợn Cỏ và lợn Mẹo sinh sản	10		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			106 (12): 18-30	12 /2019
40.	Effects of supplementation of vegetable oil and tannin on methane gas emission in raising cattle	03	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi, (in English) (ISSN: 1859-0802)			108 (2): 34-42	2/2020

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
41.	Nghiên cứu hiệu quả bổ sung sắt cho lợn con lợn Cỏ và lợn Mẹo giai đoạn bú sữa	10		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			109 (3): 19-25	3/2020
42.	Đánh giá nguồn phụ phẩm chè làm thức ăn bổ sung trong chăn nuôi bò	04	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			109 (3): 60-72	3/2020
43.	Ảnh hưởng của bổ sung phụ phẩm chè xanh đến tỷ lệ phân giải các chất dinh dưỡng của khẩu phần trong môi trường dạ cỏ	04	GV HD2 của NCS	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X			256 (4): 26-34	4/2020
44.	Effect of cottonseed oil and tea (<i>Camellia sinensis</i>) by-products on feed digestibility, growth performance and methane production of growing cattle	03	x	Livestock Research for Rural Development, ISSN 0121-3784 http://www.lrrd.org/lrrd32/5/thang32083.html	Scopus SJR (0,183; Q3)		32(5): online	5/2020
45.	Combined effects of cottonseed oil and tannin from tea by-products (<i>Camellia sinensis</i>) supplementation on nutrient digestibility, performance and enteric methane production of fattening cattle	02	x	Advances in Animal and Veterinary Sciences. ISSN (Online) 2307-8316; ISSN (Print) 2309-3331 https://nexusacademicpublishers.com/uploads/files/AAVS_8_6_633-638.pdf	Scopus SJR (0,183; Q3)		8(6): 633-638	6/2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
46.	Lượng thu nhận, tỷ lệ tiêu hóa và phát thải khí mê-tan của bò giai đoạn cận sữa khi ăn khẩu phần bổ sung dầu bông	02	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam (ISSN 1859-0004)			18 (4): 271-278	2020
47.	Lượng thu nhận, tăng khối lượng và mức độ phát thải khí mê-tan từ dạ cỏ của bò thịt khi sử dụng khẩu phần được bổ sung chế phẩm green cattle	02	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X			257 (6): 58-63	6/2020
48.	Ảnh hưởng của các mức bổ sung Tanin từ phụ phẩm chế biến chè đến tỷ lệ tiêu hóa in vivo, tăng khối lượng và phát thải khí mê-tan từ dạ cỏ bò thịt nuôi vỗ béo	03	x	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			114 (8): 64-76	8/2020
49.	Ảnh hưởng của việc bổ sung các enzyme phân giải xơ đến khả năng sinh khí in vitro của một số loại thức ăn giàu cellulose làm thức ăn cho gia súc nhai lại	06		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X			259 (9): 24-34	9/2020
50.	Ảnh hưởng của bổ sung enzyme phân giải xơ đến khả năng phân giải in sacco của một số loại thức ăn giàu cellulose làm thức ăn cho gia súc nhai lại	06	x	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi - Hội Chăn nuôi Việt Nam. ISSN: 1859-476X			260 (10): 53-62	10 /2020

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
51.	The Biomass Yield, Chemical Composition and Feeding Value for Cattle of Cassava (<i>Manihot esculenta</i>) and Legume (<i>Phaseolus calcaratus</i>) Under Monoculture and Intercropping Systems	03	x	Advances in Animal and Veterinary Sciences. ISSN (Online) 2307-8316; ISSN (Print) 2309-3331 https://nexusacademicpublishers.com/uploads/files/AAVS_8_12_1410-1420.pdf	Scopus SJR (0.183; Q3)		8(12): 1410- 1420	12 /2020
52.	Đánh giá ảnh hưởng của phương thức chăn nuôi trong chăn nuôi quy mô trang trại nhỏ đến bệnh axit dạ cỏ của bò sữa	05	GV HD2 của NCS	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			119 (1): 56-63	1/2021
53.	Tỷ lệ tiêu hóa các chất dinh dưỡng của một số loại thức ăn phổ biến nuôi trâu bằng phương pháp tiêu hóa <i>in vivo</i>	05		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			127 (9): 65-76	9/2021
54.	Ảnh hưởng của bổ sung hỗn hợp vách tế bào lợi khuẩn <i>Lactobacillus rhamnosus</i> và <i>Saccharomyces cerevisiae</i> đến lượng thức ăn thu nhận, tăng khối lượng, năng suất và chất lượng thịt lợn	04	x	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam – Học Viện Nông nghiệp Việt Nam (ISSN 1859-0004)			19(11): 1462- 1470	7/2021
55.	Xác định mức ăn hạn chế cho gà ZL giai đoạn nuôi hậu bị từ 9 đến 19 tuần tuổi	05		Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			129 (11): 49-57	11 /2021

T T	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
56.	Xác định tỷ lệ tiêu hóa chất hữu cơ và giá trị năng lượng trao đổi của một số loại thức ăn nuôi trâu bằng phương pháp in vitro gas production	04	GV HD2 của NCS	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			129 (11): 58-71	11 /2021
57.	Ảnh hưởng của mức dinh dưỡng khẩu phần ăn đến khả năng tăng khối lượng của trâu sinh trưởng giai đoạn 7-18 tháng tuổi	04	GV HD2 của NCS	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi – Viện Chăn nuôi (ISSN: 1859-0802)			131 (1): 41-58	1/2022

- Trong đó, Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 03 bài (Số thứ tự: 44, 45 và 51).

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó, Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (chủ trì, tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế
1	Xây dựng quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Chăn nuôi	Tham gia	Quyết định số 325/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT ngày 9/7/2021 về việc thành lập Ban xây dựng Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ	Viện Chăn nuôi	Quyết định số 448/QĐ-VCN-ĐTTT ngày 06/10/2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Chăn nuôi
2	Tư vấn xây dựng Đề án “Giảm phát thải khí nhà kính trong Nông nghiệp Việt Nam đến 2020”	Tham gia	Quyết định số 499/QĐ-BNN-KHCN ngày 17/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Quyết định số 3119/QĐ-BNN-KHCN ngày 16/12/2011 về phê duyệt Đề án giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp, nông thôn đến năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: Không

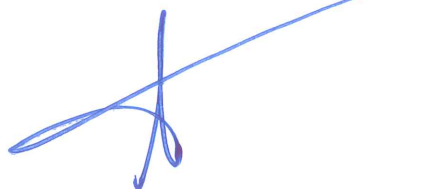
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



CHU MẠNH THẮNG